

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 27 - 6 - 2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Ánh và bà Nguyễn Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn X, xã H N, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh **Trịnh Cao Q**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp X, xã P X, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 02/04/2025 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:

Chị và anh Trịnh Cao Q tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H N, huyện Di Linh, tỉnh Lâm đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 10/04/2015. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2020 thì vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau và hai vợ chồng ly thân đến nay. Chị D và anh Q cũng đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Q có 02 (hai) con chung là Trịnh Kỳ P, sinh ngày 13/04/2016 và Trịnh H N, sinh ngày 18/10/2018. Sau khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trịnh Kỳ P, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con và giao cháu Trịnh H N cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 29/05/2025, bị đơn anh Trịnh Cao Q trình bày:

Anh không đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị D, Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh có nguyện vọng nuôi 02 con là Trịnh Kỳ P, sinh ngày 13/04/2016 và Trịnh H N, sinh ngày 18/10/2018 và không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 51, 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Trịnh Cao Q; về con chung: Giao cháu Trịnh Kỳ P, sinh ngày 13/04/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh H N, sinh ngày 18/10/2018 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh Q không yêu cầu giải quyết

Về án phí: Chị Phạm Thị D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật thẩm quyền giải quyết: Chị D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q và giải quyết việc nuôi con chưa thành niên. Anh Trịnh Cao Q cư trú tại ấp Y, xã P X, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Xác định tư cách đương sự: Chị D khởi kiện đối với anh Q. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị D là nguyên đơn, anh Q là bị đơn trong vụ án.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét

xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Các đương sự tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H N, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật số ngày 10/04/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, khi chị D yêu cầu ly hôn thì Tòa án căn cứ Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh Q không đồng ý ly hôn với chị D. Tuy nhiên, trong thời gian sống chung, các đương sự có thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau không còn sống chung với nhau.

Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị D và anh Trịnh Cao Q có 02 (hai) con chung là Trịnh Kỳ P, sinh ngày 13/04/2016 và Trịnh H N, sinh ngày 18/10/2018. Xét thấy từ khi chị D và anh Q ly thân đến nay cháu Trịnh Kỳ P đang sống cùng chị D và cháu Trịnh H N đang sống cùng anh Q. Khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trịnh Kỳ P và giao cháu Trịnh H N cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, cháu P có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, giao cháu P cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nam cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị Phạm Thị D và anh Trịnh Cao Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị D và anh Trịnh Cao Q thống nhất không có và không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 Điều 228; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị D.

1.1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Trịnh Cao Q

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Trịnh Kỳ P, sinh ngày 13/04/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Trịnh H N, sinh ngày 18/10/2018 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D và anh Quý không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

Chị Phạm Thị D và anh Trịnh Cao Q được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Khi cần thiết chị Phạm Thị D và anh Trịnh Cao Q được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết

2. Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0020968 ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (Để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã H N, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng (Đăng ký kết hôn số 025 ngày 10/04/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Ánh

Nguyễn Thị Xuân

Phạm Tuấn